

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **239/2024/DS-ST**
Ngày: 31/10/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh;

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 744/2024/TLST-DS ngày 15/7/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2024/QĐXXST-DS ngày 19/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1668/2024/QĐST-DS ngày 10/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: đường N, phường V, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Duy T.

2. Ông Lê Hồng T1.

Địa chỉ liên hệ: đường Đ, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lý Văn Huỳnh Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ B1, khu phố M, phường B2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông T, ông T1 có đơn xin vắng mặt; ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đại diện theo ủy quyền ông Lê Hồng T1 trình bày:

Ngày 10/8/2022, ông Lý Văn Huỳnh Đ và Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 599.098.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/02/2024 ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 552.040.650đ. Kể từ tháng 03/2024 đến nay ông Đ không thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Đ thanh toán nợ nhưng ông Đ không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 71.157.608đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, lãi quá hạn 21.157.608đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 01/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn ông Lý Văn Huỳnh Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 71.157.608đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, lãi quá hạn 21.157.608đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 01/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng..

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lý Văn Huỳnh Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, ông Lý Văn Huỳnh Đ là bị đơn. Căn cứ khoản 3, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Lý Văn Huỳnh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Ông Nguyễn Duy T, Lê Hồng T1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Lý Văn Huỳnh Đ phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 31/10/2024 là 71.157.608đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, lãi quá hạn 21.157.608đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 01/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/8/2022 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lý Văn Huỳnh Đ, nhận thấy: Ngày 10/8/2022, ông Lý Văn Huỳnh Đ đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp tín dụng hạn mức 50.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Đ với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ, ông Đ thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông Đ và được Công an phường Bửu Long cung cấp thông tin: ông Lý Văn Huỳnh Đ, sinh năm 1995, có đăng ký thường trú tại địa chỉ tổ 4, khu phố M, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông Đ vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã nhiều lần niêm yết triệu tập ông Đ đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do vậy xem như ông Đ đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 5.2 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: *Chủ Thẻ, gồm Chủ Thẻ Chính và Chủ Thẻ Phụ, chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán đầy đủ Dư Nợ cho Sacombank mà không cần bằng chứng, hóa đơn được ký hay chứng từ khác trong mọi trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn phát hành mới, gia hạn, thay thế Thẻ, tạm khóa, chấm dứt sử dụng Thẻ.* Điều 5.3 quy định: *Chủ Thẻ phải thanh toán cho Sacombank vào hoặc trước Ngày Đến Hạn tại TBGD. Nếu Ngày Đến Hạn rơi vào ngày nghỉ, lễ theo quy định pháp luật hoặc thông báo của Sacombank, Ngày Đến Hạn thực hiện theo thông báo của Sacombank trong từng thời kỳ.*

Xét thấy, Ngân hàng đã yêu cầu ông Đ thanh toán nợ nhưng ông Đ không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bị đơn ông Lý Văn Huỳnh Đ phải thanh toán nợ gốc là số tiền ông Đ thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng số tiền 50.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Tại điều 1.24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: Lãi suất: là mức lãi suất mà Sacombank áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được Sacombank công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.* Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo*

quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Sau khi ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/8/2022, ông Lý Văn Huỳnh Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Lý Văn Huỳnh Đ phải thanh toán số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 71.157.608đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, lãi quá hạn 21.157.608đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 01/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Lý Văn Huỳnh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.558.780đ (71.157.608đ x 5%). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 180, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Lý Văn Huỳnh Đ về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lý Văn Huỳnh Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 71.157.608đ (bảy mươi một triệu một trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, lãi quá hạn 21.157.608đ.

Kể từ ngày 01/11/2024, ông Lý Văn Huỳnh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/8/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Ông Lý Văn Huỳnh Đ phải chịu 3.558.780đ (ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.540.532đ (một triệu năm trăm bốn mươi ngàn năm trăm ba mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04566 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Biên Hòa;
- Chi cục THADS tp. Biên Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thanh Thủy